

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-11-2019

V/v kiện ly hôn và yêu cầu nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Võ Văn Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hạc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 233/2018/TLST-HNGĐ ngày 8 tháng 10 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Ngọc Tr - sinh năm 1988 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn D - sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lâm Ngọc Tr trình bày như sau: Chị và anh D được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương vào năm 2009, hôn nhân do mai mối nên không có tìm hiểu nhau trước nhưng anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th1, huyện Th2, tỉnh B vào ngày 25/5/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dần dần không còn tình cảm với nhau nữa và anh chị đã tự ly thân từ đầu

năm 2017 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa nên chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một người con chung tên Lê Lâm Như Y - sinh ngày 15/6/2010, hiện nay con đang sống với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Văn D.

Về con chung: Chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Lê Lâm Như Y và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Tr xác định không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn D không có mặt tại phiên tòa: Qua quá trình tiến hành tố tụng kể từ ngày thụ lý cho đến nay anh D không có mặt tại địa phương, qua thẩm tra xác minh cũng không rõ anh D đi đâu và làm gì. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179, 180 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh D vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Về tuân thủ pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án thông báo triệu tập đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, vụ án đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Ngọc Tr cho chị được ly hôn với anh Lê Văn D. Về con chung: Giao cháu Lê Lâm Như Y - sinh ngày 15/6/2010 cho chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có, chị Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Lâm Ngọc Tr và anh Lê Văn D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Lê Văn D là bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục hợp lệ và Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lâm Ngọc Tr và anh Lê Văn D kết hôn với nhau vào năm 2010, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th1, huyện Th2, tỉnh B vào ngày 25 tháng 5 năm 2010. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của chị Tr và anh D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Tr là chị có nguyện vọng được ly hôn với anh D vì lý do hai người không hợp bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến hiện nay không còn tình cảm với nhau nữa, đồng thời vợ chồng chị đã tự ly thân với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị thấy vợ chồng không thể hàn gắn hôn nhân được nữa và anh D đã bỏ phương đi hơn 02 năm nay nhưng không biết đi đâu. Ngày 14/8/2019 và ngày 30/8/2019 Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng anh D không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh D, tại phiên tòa chị Tr cương quyết xin ly hôn với anh D. Hội đồng xét xử xét thấy chị Tr đã tỏ rõ thái độ không còn yêu thương anh D, mâu thuẫn anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr.

Đối với bị đơn anh Lê Văn D đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh D vẫn không có mặt tại Tòa án để cung cấp chứng cứ và lời khai, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”*. Do vậy, sau khi thẩm tra, xác minh cho thấy anh D vẫn còn

hộ khẩu tại địa phương và Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định.

[4] Về con chung: Chị Tr xác định chị và anh D có 01 chung tên Lê Lâm Như Y - sinh ngày 15/6/2010. Theo yêu cầu khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị Tr có nguyện vọng yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng ly thân vào đầu năm 2017 đến nay cháu Như Y do chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng; đồng thời, cháu Như Y cũng có nguyện vọng muốn sống chung với chị Tr. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Y cho chị Tr được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Tr không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr xác định chị và anh D không có tài sản chung và không thiếu nợ ai nên chị không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng chị Tr phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 179, 180, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lâm Ngọc Tr được ly hôn với anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Lâm Như Y - sinh ngày 15/10/2010 cho chị Tr được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; Chị Tr không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn D có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Anh D, chị Tr có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử Miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lâm Ngọc Tr phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0008693, ngày 08/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Tr đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 13/11/2019. Anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thị Kiều Oanh